



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



# BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 10, THÁNG 6, 2021

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

- Trích dẫn nội dung “biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất, nhập khẩu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” sẽ có hiệu lực kể từ 01/01/2022
- Tìm hiểu về an toàn thực phẩm thủy sản



**Cơ quan chủ quản**  
**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**Chịu trách nhiệm nội dung**  
TS. Lê Thanh Hòa  
Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

**Ban biên tập**  
TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban  
(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)  
ThS. Nguyễn Quốc Chính  
KS. Nguyễn Tử Cương  
ThS. Trần Thùy Dung  
TS. Nguyễn Thu Hồng  
ThS. Trần Diễm Hồng  
KS. Lê Anh Ngọc  
ThS. Trần Thị Tú Oanh  
PGS. TS. Nguyễn Anh Thu  
ThS. Vũ Thị Hải Yến

**Thư ký Ban biên tập**  
TS. Đào Văn Cường

**Văn phòng SPS Việt Nam**  
**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**  
Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình,  
Hà Nội  
Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019  
Email: spsvietnam@mard.gov.vn  
Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

**GIẤY PHÉP XUẤT BẢN**  
Số: 22/GP-XBBT ngày 23/3/2021 của Cục Báo chí,  
Bộ Thông tin và Truyền Thông  
In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

**THÔNG TIN - HOẠT ĐỘNG**

- Tìm hiểu về an toàn thực phẩm thủy sản. 3

**VĂN BẢN MỚI**

- Trích dẫn nội dung “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” sẽ có hiệu lực từ 01/01/2022. 5
- Toàn văn “Quy định về Quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu vào Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” và sẽ có hiệu lực từ 01/01/2022. 14
- Dự thảo qui định về SPS của các nước thành viên WTO trong tháng 6/2021. 21

# TÌM HIỂU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM THỦY SẢN

Nguyễn Tử Cương  
Trưởng ban Phát triển thủy sản bền vững,  
Hội nghề cá Việt Nam

## Lời giới thiệu:

Để giúp các chuyên gia an toàn thực phẩm, đặc biệt là người tiêu dùng thủy sản có thêm kiến thức an toàn thực phẩm thủy sản đối với những trường hợp đặc biệt. Bản tin SPS mở chuyên mục **“Tìm hiểu về an toàn thực phẩm thủy sản”**

Chuyên mục này được đăng nhiều kỳ mỗi kỳ một bài và được ghi số thứ tự từ 1 đến số cuối cùng...

Bản tin SPS trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.



(Ảnh: nguồn internet)

## Bài 3. CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM THỦY SẢN KHÔ

### 1. Nhận biết thủy sản khô có chất lượng?

#### 1.1. Các nhóm thủy sản khô:

i) Nhóm cá biển như: Cá cơm khô, cá thu khô, cá bánh đường khô, cá khoai khô...

ii) Nhóm cá nước ngọt như: Cá lóc (cá quả) khô, cá sặc rần khô, cá kèo khô, cá tra khô...

iii) Nhóm nhuyễn thể như: Cồi điệp khô, sà sùng khô, mực khô...

iv) Nhóm giáp xác: Phong phú nhất là các loại tôm khô.

Thủy sản khô có thể bảo quản dài ngày và được người tiêu dùng các nước Châu Á (trong đó có Việt Nam) ưa chuộng.

#### 1.2. Nhận biết thủy sản khô có chất lượng:

i) Sản phẩm được bao gói trong bao bì chống ẩm, nguyên vẹn, nhãn đầy đủ thông tin.

ii) Thịt săn chắc, khô đồng đều, độ ẩm dưới 10%. Bẻ ngang thân cho thấy các thớ thịt dai, săn chắc.

iii) Màu đặc trưng theo từng loài, đồng đều và sáng bóng. Không có những mảng ngả vàng hoặc thâm đen. Trường hợp phát hiện có những đốm đen, đốm vàng hoặc đỏ thì đó là biểu hiện của nấm mốc độc, tuyệt đối không nên dùng làm thực phẩm.

iv) Mùi thơm tự nhiên và đặc trưng của từng loài.



## 2. Bảo quản thủy sản khô

Thủy sản khô sẽ suy giảm chất lượng rất nhanh trong môi trường độ ẩm và nhiệt độ cao, đồng thời cũng rất dễ hấp thụ mùi lạ dẫn tới suy giảm mùi, vị đặc trưng.

Dưới đây là những việc nên làm và những điều nên tránh trong quá trình bảo quản thủy sản khô :

### i) Nên làm:

Chọn mua những sản phẩm đã bao gói sẵn trong bao bì chống ẩm. Nếu mua sản phẩm chưa bao gói cần cho sản phẩm vào túi ni lông hàn hoặc buộc kín miệng túi, bên ngoài gói thêm một lớp giấy đủ dày, cho vào ngăn đá của tủ lạnh để bảo quản.

ii) Nên tránh: Để thủy sản khô trong nhiệt độ thường hoặc không bao gói kín. Cần tránh để ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp vào thủy sản khô.

iii) Thời gian bảo quản thủy sản khô ở nhiệt độ thường không quá 15 ngày, trong ngăn mát của tủ lạnh không quá 2 tháng và trong ngăn đá của tủ lạnh không quá 6 tháng.



(Ảnh: nguồn internet)

## 4. Nhận biết thủy sản khô có hóa chất độc

Thông thường mùi, vị của thủy sản khô rất hấp dẫn ruồi, nhặng, gián, kiến và các loài côn trùng gây hại khác.

Nếu thấy ruồi, nhặng xuất hiện nhiều ở các khu vực bán cá tươi, thịt tươi và bãi rác...mà không thấy hoặc thấy rất ít ruồi ở khu vực bán thủy sản khô không bao gói. Hiện tượng trên chứng tỏ các sản phẩm thủy sản khô này đã bị phun hóa

## 3. Xử lý thủy sản khô đã giảm chất lượng

Bảo quản thủy sản khô, nên thực hiện theo các cách đã nêu tại mục 2. Nhưng thủy sản khô sẽ bị tăng độ ẩm hoặc giảm chất lượng và mất an toàn thực phẩm, (do bảo quản không đúng cách hoặc không được dùng hết trong thời gian ngắn). Dưới đây là biện pháp khắc phục:

i) Khi độ ẩm cao hơn 20% cần: phơi dưới trời nắng to từ 1-2 nắng. Khi phơi nên úp lồng bàn để ngăn ruồi đẻ trứng. Nếu trời không có nắng thì có thể sấy khô.

Cách nhận biết thủy sản đã khô: Cứng, săn chắc. Bề ngang thân thì màu lớp thịt ở trong và ngoài như nhau.

ii) Thủy sản mốc trắng nhiều, xuống màu, mùi khét: Rửa nhanh thủy sản khô trong nước muối 15 phần nghìn. Dùng giẻ tẩm cồn y tế lau sạch bề mặt, phơi khô và bảo quản như mục 2.

Riêng đối với mực khô: Mực khô loại ngon thường có một lớp phấn trắng trên bề mặt, đó không phải là nấm mốc độc, chỉ khi mực có nấm mốc màu đen; màu vàng hoặc đỏ thì đó là nấm mốc độc, cần kiên quyết loại bỏ.

chất xua đuổi ruồi nhặng lúc phơi khô (thường là Dipterex- một loại hóa chất cấm dùng trong chế biến thực phẩm rất có hại cho sức khỏe).

Do đó, cách nhận biết thủy sản khô có hóa chất chống ruồi là quan sát trong chợ nếu thấy có ruồi, nhặng ở các khu vực khác mà chúng không bén mảng tới cửa hàng bán thủy sản khô (không bao gói) chứng tỏ thủy sản khô này có chứa hóa chất chống ruồi.



# TRÍCH DẪN NỘI DUNG “BIỆN PHÁP QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA” SẼ CÓ HIỆU LỰC KỂ TỪ 01/01/2022

ThS. Vũ Thị Hải Yến  
Văn phòng SPS Việt Nam

## CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Biện pháp được xây dựng bởi các luật của 3 lĩnh vực gồm an toàn thực phẩm, kiểm dịch động, thực vật và an toàn chất lượng nông sản, đặc biệt là bổ sung thêm Luật Hải quan (các biện pháp kiểm tra hành chính) và Luật An toàn chất lượng nông sản (sản phẩm nông, thủy sản)



(Ảnh: nguồn internet)

Điều 1. Để đảm bảo an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu và bảo vệ đời sống, sức khỏe con người, động vật, thực vật, căn cứ vào "Luật An toàn thực phẩm của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" (sau đây gọi là "Luật An toàn thực phẩm") và các quy định thi hành, "Luật Hải quan của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa", "Luật Kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" và các quy định thi hành, "Luật Kiểm dịch động, thực vật xuất nhập cảnh của Cộng

hòa Nhân dân Trung Hoa" và các quy định thi hành, "Luật Kiểm dịch và Y tế Biên giới của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" và các quy tắc thực hiện, và "Luật An toàn chất lượng nông sản của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa". Các biện pháp này được xây dựng bởi luật pháp, quy định hành chính và phù hợp với "Các quy định đặc biệt của Quốc vụ viện về tăng cường Giám sát và Quản lý An toàn thực phẩm và thực phẩm"

2. Biện pháp này gồm: 6 chương, 79 điều, nội dung chủ yếu gồm các yêu cầu chung trong lĩnh vực quản lý giám sát an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, quản lý thực phẩm nhập khẩu, quản lý thực phẩm xuất khẩu, biện pháp quản lý, giám sát và trách nhiệm pháp luật tương ứng của các bên v.v. trong lĩnh vực an toàn thực phẩm

3. Biện pháp này tối ưu hóa và tích hợp thay thế cho 6 quy định gồm: Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu; Biện pháp giám sát và quản lý kiểm tra, kiểm dịch thủy sản xuất nhập khẩu; Biện pháp giám sát và quản lý kiểm tra, kiểm dịch sản phẩm thịt xuất nhập khẩu; và Biện pháp giám sát và quản lý kiểm tra, kiểm dịch sản phẩm sữa xuất nhập khẩu; Biện pháp quản lý kiểm tra, kiểm dịch sản phẩm mật ong xuất khẩu; Quy định quản lý hồ sơ doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu trước đó được ban hành.

4. Phạm vi áp dụng (điều 2):

Điều 2. Những cá nhân, hoạt động sau đây phải tuân thủ Biện pháp này:

(1) Hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu;

(2) Hải quan giám sát, quản lý đối với các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu và việc thực hiện an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu của họ.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu phụ gia thực phẩm và các sản phẩm liên quan đến thực phẩm được thực hiện theo quy định có liên quan của Tổng cục Hải quan.

5. Nguyên tắc quản trị theo chủ trương mới (điều 3):



(Ảnh: nguồn internet)

Điều 3. Công tác an toàn thực phẩm xuất, nhập khẩu tuân thủ các nguyên tắc an toàn là trên hết, phòng ngừa trước, quản lý rủi ro, kiểm soát toàn bộ và đồng quản trị quốc tế.

6. Trách nhiệm chính trong chuỗi sản xuất, kinh doanh thực phẩm (điều 4)

Điều 4. Cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu phải chịu trách nhiệm về sự an toàn của thực phẩm xuất nhập khẩu do mình sản xuất và kinh doanh.

Các nhà sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu tham gia vào các hoạt động sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu phải phù hợp với các hiệp ước và hiệp định quốc tế mà Trung Quốc đã ký kết hoặc tham gia, luật pháp và quy định của Trung Quốc và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia, tiếp nhận

giám sát và quản lý theo pháp luật, bảo đảm an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, thực hiện trách nhiệm và chịu trách nhiệm trước xã hội và công chúng.

7. Phân cấp quản lý giám sát trong an toàn thực phẩm (điều 5)

Điều 5. Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm quản lý, giám sát an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu trên toàn quốc.

Hải quan các cấp chịu trách nhiệm giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu trên địa bàn quản lý.

8. Tăng cường hợp tác với công, tư ngoài nước để tạo mô hình đồng quản trị quốc tế



(Ảnh: nguồn internet)

Điều 7. Hải quan tăng cường tuyên truyền, giáo dục về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, triển khai công tác phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm, các quy định hành chính và các tiêu chuẩn, kiến thức về an toàn thực phẩm quốc gia.

Hải quan tăng cường trao đổi, hợp tác với các tổ chức quốc tế về an toàn thực phẩm, cơ quan chính phủ nước ngoài, hiệp hội ngành thực phẩm nước ngoài, hiệp hội người tiêu dùng nước ngoài để tạo mô hình đồng quản trị quốc tế về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu.

## CHƯƠNG II. THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

9. Tiêu chuẩn áp dụng.

Điều 9. Thực phẩm nhập khẩu phải tuân thủ luật pháp và quy định của Trung Quốc và các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, các yêu cầu

đặc thù của điều ước và thỏa thuận quốc tế mà Trung Quốc đã ký kết hoặc tham gia, và cũng phải phù hợp các yêu cầu của các hiệp định, điều ước quốc tế.



(Ảnh: nguồn internet)

Nhập khẩu thực phẩm chưa có tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, cần tuân theo các yêu cầu của tiêu chuẩn có liên quan sử dụng tạm thời do Cơ quan quản lý Y tế Quốc vụ viện ban hành.

Thực phẩm được sản xuất bằng nguyên liệu thực phẩm mới phải có giấy phép quản lý y tế về nguyên liệu thực phẩm mới của Cơ quan quản lý y tế của Quốc vụ viện theo quy định tại Điều 37 của Luật an toàn thực phẩm.

#### 10. Yêu cầu kiểm soát và đánh giá rủi ro (điều 10-12, 58,60)

Điều 10. Cơ quan Hải quan thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật có liên quan và các quy định hành chính về kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Hoạt động đánh giá sự phù hợp của thực phẩm nhập khẩu bao gồm: đánh giá, rà soát hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của các nước (khu vực) (sau đây gọi là quốc gia (khu vực) xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc, đăng ký doanh nghiệp sản xuất nước ngoài, bảo đảm hồ sơ nhà xuất nhập khẩu hợp lệ, phê duyệt kiểm dịch động thực vật nhập cảnh, kiểm tra các chứng chỉ năng lực kèm theo, xem xét tài liệu, kiểm tra tại chỗ, giám sát và kiểm tra ngẫu nhiên, kiểm tra hồ sơ nhật ký nhập khẩu và bán hàng, và kết hợp nhiều hạng mục khác nhau.

Điều 11. Tổng cục Hải quan có thể đánh giá, thẩm tra hệ thống quản lý an toàn thực phẩm và tình trạng triển khai an toàn thực phẩm của nước ngoài (khu vực) và xác định các yêu cầu kiểm tra, kiểm dịch tương ứng dựa trên kết quả đánh giá, rà soát.

Điều 12. Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, Tổng cục Hải quan có thể tiến hành đánh giá và thẩm tra đối với quốc gia (khu vực) xuất khẩu:

(1) Một quốc gia (khu vực) xin xuất khẩu lần đầu tiên một loại (loài) thực phẩm nhất định sang Trung Quốc;

(2) Quốc gia (khu vực) xuất khẩu đã có những điều chỉnh lớn trong cơ cấu tổ chức, luật và quy định về an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật ;

(3) Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) xuất khẩu đề nghị điều chỉnh lớn đối với các yêu cầu kiểm tra và kiểm dịch của một loại (loài) thực phẩm nhất định xuất khẩu vào Trung Quốc;

(4) Xảy ra dịch bệnh lớn trên động, thực vật hoặc sự cố về an toàn thực phẩm ở nước ngoài (khu vực);

(5) Hải quan phát hiện vấn đề nghiêm trọng trong thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc, cho rằng có dịch bệnh động vật, thực vật hoặc tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thực phẩm;

(6) Các tình huống khác cần đánh giá và xem xét.



Điều 58. Hải quan sẽ tiến hành nghiên cứu và đánh giá rủi ro đối với thông tin an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu đã thu thập được và xác định các biện pháp kiểm soát tương ứng dựa trên kết quả nghiên cứu và phán đoán rủi ro.

Điều 60. Hải quan xây dựng kế hoạch giám sát rủi ro an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu hàng năm của quốc gia và thu thập một cách có hệ thống, liên tục số liệu giám sát và thông tin liên quan về bệnh truyền qua thực phẩm, ô nhiễm thực phẩm và các yếu tố có hại trong thực phẩm xuất nhập khẩu.

#### 11. Nội dung đánh giá rủi ro được chi tiết hóa (điều 13)



(Ảnh: nguồn internet)

Điều 13. Việc đánh giá, thẩm tra hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của quốc gia (khu vực) bên ngoài chủ yếu bao gồm việc đánh giá và xác nhận các nội dung sau:

- (1) Các luật và quy định liên quan đến an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật;
- (2) Cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát an toàn thực phẩm;
- (3) Mức độ phổ biến của dịch bệnh động vật, thực vật và các biện pháp phòng, chống;
- (4) Quản lý và kiểm soát vi sinh vật gây bệnh, thuốc nông nghiệp, thú y và các chất ô nhiễm;
- (5) Kiểm soát vệ sinh an toàn trong các liên kết sản xuất và chế biến, vận chuyển và bảo quản thực phẩm;
- (6) Giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất khẩu;
- (7) Hệ thống triệu hồi, truy xuất nguồn gốc và bảo hộ an toàn thực phẩm;

(8) Cơ chế cảnh báo và ứng phó khẩn cấp;

(9) Năng lực hỗ trợ kỹ thuật;

(10) Các tình huống khác liên quan đến tình hình dịch bệnh động, thực vật và an toàn thực phẩm.

#### 12. Phương thức quản lý và tổ chức thực hiện (bổ sung hình thức đánh giá qua Video)

Điều 6. Hải quan sử dụng phương thức công nghệ thông tin để nâng cao trình độ quản lý, giám sát an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu.

Điều 14. Tổng cục Hải quan có thể tổ chức cho các chuyên gia thực hiện đánh giá, thẩm tra thông qua các hình thức, kết hợp giữa thẩm tra tài liệu, kiểm tra video và kiểm tra tại chỗ.

Điều 15. Tổng cục Hải quan tổ chức cho các chuyên gia tiếp nhận đánh giá thẩm tra qua xem xét tài liệu hồ sơ và phiếu câu hỏi đánh giá bằng văn bản do các quốc gia (khu vực) gửi đến. Việc xem xét bao gồm tính xác thực, đầy đủ và hợp lệ của tài liệu. Căn cứ tình hình thẩm tra tài liệu, Tổng cục Hải quan có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) liên quan bổ sung thông tin, dữ liệu còn thiếu.

Đối với các quốc gia (khu vực) đã thông qua thẩm tra tài liệu, Tổng cục Hải quan có thể tổ chức cho các chuyên gia tiến hành kiểm tra hệ thống quản lý an toàn thực phẩm qua video hoặc kiểm tra tại chỗ. Nếu phát hiện vấn đề sẽ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền liên quan của quốc gia (khu vực) và các doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc khắc phục các vấn đề được tìm thấy.

Quốc gia (khu vực) có liên quan cần cung cấp hỗ trợ cần thiết để đánh giá và thẩm tra.

#### 13. Chấm dứt, tạm dừng trong xử lý hồ sơ đánh giá hợp quy (điều 16).

Điều 16. Quốc gia (khu vực) được đánh giá, thẩm tra xuất hiện một trong các tình huống dưới đây, Tổng cục Hải quan có thể chấm dứt việc đánh giá, rà soát và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền liên quan của quốc gia (khu vực) này:

- (1) Không phản hồi trong vòng 12 tháng kể từ khi nhận được bảng câu hỏi đánh giá bằng văn bản;
- (2) Không cung cấp thông tin theo yêu cầu trong thời hạn 3 tháng kể từ khi nhận được thông báo của Tổng cục Hải quan về việc bổ sung thông tin, tư liệu;

(3) Bất ngờ xảy ra dịch bệnh động vật, thực vật hoặc sự cố lớn về an toàn thực phẩm;

(4) Không hợp tác với bên Trung Quốc để hoàn thành việc kiểm tra video hoặc kiểm tra tại chỗ và không có khả năng hoàn thành việc chỉnh sửa một cách hiệu quả;

(5) Tự nguyện đề nghị chấm dứt đánh giá, thẩm tra.

Trong trường hợp thứ nhất và thứ hai của điều này, các cơ quan có thẩm quyền liên quan của quốc gia (khu vực) có thể xin gia hạn vì lý do đặc biệt, và được sự chấp thuận của Tổng cục Hải quan, các tài liệu liên quan sẽ được nộp theo thời hạn quy định được xác định lại bởi Tổng cục Hải quan.

#### 14. Trường hợp không đạt yêu cầu đánh giá của Hải quan (điều 33)

Điều 33. Thực phẩm nhập khẩu nếu đã được cơ quan Hải quan đánh giá hợp quy thì được phép nhập khẩu.

Nếu thực phẩm nhập khẩu được cơ quan Hải quan đánh giá là không hợp quy thì Hải quan cấp giấy xác nhận không hợp quy; nếu không đủ điều kiện về an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường thì Hải quan thông báo bằng văn bản cho nhà nhập khẩu thực phẩm để có trách nhiệm tiêu hủy hoặc trả lại; nếu là các hạng mục khác không đủ tiêu chuẩn, thông qua xử lý kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đánh giá sự phù hợp mới được nhập khẩu. Trường hợp các hạng mục liên quan của thực phẩm nhập khẩu không được xử lý kỹ thuật trong thời gian quy định hoặc sau khi xử lý kỹ thuật vẫn không đạt chất lượng thì Hải quan ra lệnh tiêu hủy hoặc trả lại đơn vị nhập khẩu thực phẩm.

#### 15. Tăng cường kiểm soát (điều 34)

Điều 34. Trường hợp các sự cố về an toàn thực phẩm xảy ra ở nước ngoài có thể gây ra các nguy cơ tiềm ẩn về rủi ro an toàn thực phẩm ở Trung Quốc hoặc nếu Hải quan phát hiện thực phẩm nhập khẩu không đủ tiêu chuẩn trong quá trình giám sát và quản lý thực phẩm nhập khẩu hoặc phát hiện các vấn đề an toàn thực phẩm khác, Tổng cục Hải quan và Hải quan có thẩm quyền trực thuộc căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro, có thể thực hiện các biện pháp kiểm soát như tăng tỷ lệ giám sát, kiểm tra ngẫu nhiên đối với thực phẩm nhập khẩu liên quan.

Sau khi cơ quan Hải quan áp dụng các biện pháp kiểm soát như tăng tỷ lệ giám sát, kiểm tra

ngẫu nhiên đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại khoản trên, nếu lại phát hiện thực phẩm nhập khẩu không đủ tiêu chuẩn hoặc có bằng chứng cho thấy thực phẩm nhập khẩu có các nguy cơ lớn về an toàn, Tổng cục Hải quan và cơ quan Hải quan có thẩm quyền trực thuộc yêu cầu nhà nhập khẩu thực phẩm hàng loạt phải nộp báo cáo kiểm tra của cơ quan kiểm tra đủ điều kiện cho Hải quan theo lô. Hải quan sẽ xác minh báo cáo kiểm tra do nhà nhập khẩu thực phẩm cung cấp.

#### 16. Cấm, tạm dừng nhập khẩu (điều 35,36), (như trường hợp phát hiện nhiễm Covid-19)



(Ảnh: nguồn internet)

Điều 35. Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, Tổng cục Hải quan có thể áp dụng các biện pháp kiểm soát như đình chỉ hoặc cấm nhập khẩu các loại thực phẩm liên quan dựa trên kết quả đánh giá rủi ro:

(1) Nước (khu vực) xuất khẩu xảy ra một dịch bệnh động vật, thực vật lớn, hoặc hệ thống an toàn thực phẩm có sự thay đổi lớn không đảm bảo hiệu quả sự an toàn của thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc;

(2) Thực phẩm nhập khẩu bị ô nhiễm bởi mầm bệnh của các bệnh truyền nhiễm thuộc diện kiểm dịch, hoặc có bằng chứng cho thấy nó có thể trở thành vật trung gian truyền các bệnh truyền nhiễm thuộc diện kiểm dịch và không thể thực hiện xử lý vệ sinh hiệu quả;

(3) Thực phẩm nhập khẩu mà cơ quan Hải quan thực hiện các biện pháp kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều 34 của các Biện pháp này lại phát hiện các hạng mục liên quan an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường không đạt tiêu chuẩn;

(4) Doanh nghiệp sản xuất nước ngoài vi phạm luật và quy định có liên quan của Trung Quốc với tình tiết nghiêm trọng;

(5) Các thông tin khác cho thấy tồn tại các mối nguy lớn liên quan an toàn thực phẩm.

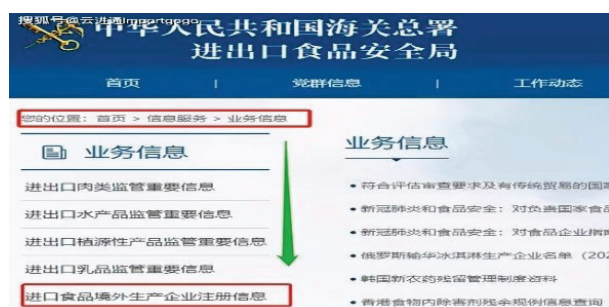
Điều 36. Khi rủi ro về an toàn của thực phẩm nhập khẩu đã giảm xuống mức có thể kiểm soát được, Tổng cục Hải quan và Hải quan có thẩm quyền trực thuộc có thể áp dụng các biện pháp dỡ bỏ kiểm soát tương ứng theo cách thức sau:

(1) Thực phẩm bị áp dụng các biện pháp kiểm soát tại khoản 1 Điều 34 của Biện pháp này, trong thời gian hạn định và lô tiếp theo không bị phát hiện là không đạt chất lượng, trên cơ sở đánh giá rủi ro có thể được dỡ bỏ các biện pháp kiểm soát;

(2) Đối với thực phẩm bị áp dụng các biện pháp kiểm soát tại khoản 2 Điều 34 của các Biện pháp này, nước (khu vực) xuất khẩu đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa và được Tổng cục Hải quan đánh giá rủi ro là có thể đảm bảo an toàn thực phẩm, kiểm soát nguy cơ dịch bệnh động vật, thực vật, trong thời gian hạn định thực hiện các biện pháp kiểm soát và lô tiếp theo không bị phát hiện là không đạt chất lượng, trên cơ sở đánh giá rủi ro có thể được dỡ bỏ các biện pháp kiểm soát.

(3) Đối với thực phẩm áp dụng các biện pháp tạm ngừng, cấm nhập khẩu, nếu cơ quan có thẩm quyền của nước (khu vực) xuất khẩu đã áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và được Tổng cục Hải quan đánh giá là đáp ứng yêu cầu thì có thể dỡ bỏ việc tạm dừng, cấm nhập khẩu. Để phục hồi nhập khẩu thực phẩm, Tổng cục Hải quan có thể áp dụng các biện pháp kiểm soát quy định tại Điều 34 của các Biện pháp này trên cơ sở tình hình đánh giá.

17. Đăng ký doanh nghiệp (điều 18,19 và 64) và quy định cụ thể theo lệnh số 248- Tổng cục Hải quan).



(Ảnh: nguồn internet)

Điều 18. Tổng cục Hải quan thực hiện việc quản lý đăng ký đối với các doanh nghiệp sản xuất nước ngoài xuất khẩu thực phẩm vào Trung Quốc và công bố danh sách các doanh nghiệp đã đăng ký.

Điều 19. Các nhà xuất khẩu hoặc đại lý ở nước ngoài (sau đây gọi là "nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài") xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc phải nộp hồ sơ cho Tổng cục Hải quan.

Nhà nhập khẩu thực phẩm phải nộp hồ sơ cho Hải quan nơi họ đăng ký.

Nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài và các nhà nhập khẩu thực phẩm phải chịu trách nhiệm về tính xác thực, hợp lệ của các tài liệu cung cấp khi làm thủ tục.

Danh sách các cơ sở xuất khẩu, đại lý nước ngoài, nhà nhập khẩu thực phẩm do Tổng cục Hải quan công bố.

Điều 64. Hải quan thực hiện quản lý tín nhiệm đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

### 18. Thay đổi nội dung hồ sơ đăng ký

Điều 20. Nếu có sự thay đổi trong nội dung hồ sơ đăng ký của một nhà xuất khẩu, đại lý nước ngoài hoặc nhà nhập khẩu thực phẩm, thì phải thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan quản lý hồ sơ trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.

Trường hợp phát hiện nhà xuất khẩu, đại lý nước ngoài, nhà nhập khẩu thực phẩm thông tin hồ sơ sai lệch hoặc nội dung hồ sơ không kịp thời thay đổi thì có quyền yêu cầu cải chính trong thời hạn quy định.

### 19. Gia tăng trách nhiệm của nhà nhập khẩu thực phẩm trong chuỗi (điều 21-23)

Điều 21. Các nhà nhập khẩu thực phẩm phải thiết lập hệ thống ghi chép nhật ký nhập khẩu và tiêu thụ thực phẩm, ghi chép trung thực tên thực phẩm, trọng lượng thực/quy cách, số lượng, ngày sản xuất, số lô sản xuất/nhập khẩu, hạn sử dụng, tên và địa chỉ nhà xuất khẩu nước ngoài và người mua hàng, thông tin liên hệ, ngày giao hàng, v.v..., và lưu các chứng từ liên quan. Thời hạn bảo quản hồ sơ, chứng từ không dưới 06 tháng kể từ ngày hết hạn sử dụng thực phẩm, nếu không rõ hạn sử dụng thì thời hạn bảo quản trên 02 năm kể từ ngày bán.

Điều 22. Các nhà nhập khẩu thực phẩm phải thiết lập chế độ xét duyệt đối với các nhà xuất khẩu nước ngoài, doanh nghiệp sản xuất nước ngoài, trọng tâm xét duyệt theo các mục sau:

(1) Xây dựng và thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro về an toàn thực phẩm;



(2) Đảm bảo rằng thực phẩm tuân thủ luật pháp và quy định của Trung Quốc và các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm.

Điều 23. Hải quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động, xét duyệt doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm theo quy định của pháp luật. Các nhà nhập khẩu thực phẩm cần tích cực hợp tác và cung cấp trung thực thông tin và tài liệu liên quan.

#### 20. *Chỉ định Cảng/cửa khẩu nhập khẩu*

Điều 24. Theo nhu cầu của quản lý rủi ro, Hải quan có thể triển khai chỉ định các cảng/cửa khẩu nhập khẩu thực phẩm và chỉ định các địa điểm kiểm tra, giám sát. Tổng cục Hải quan công bố danh sách các cảng/cửa khẩu và địa điểm giám sát được chỉ định.

#### 21. *Kiểm dịch và phê duyệt kiểm dịch*

Điều 26. Hải quan thực hiện kiểm dịch đối với thực phẩm nhập khẩu phải kiểm dịch nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Hải quan thực hiện quản lý kiểm tra, phê duyệt kiểm dịch đối với thực phẩm nhập khẩu phải kiểm tra, phê duyệt kiểm dịch động thực vật nhập khẩu theo quy định của pháp luật. Các nhà nhập khẩu thực phẩm cần xin giấy phép kiểm dịch động thực vật nhập cảnh trước khi ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận thương mại.

#### 22. *Quy định kiểm tra tại chỗ*

Điều 28. Căn cứ vào nhu cầu giám sát và quản lý, Hải quan sẽ tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với thực phẩm nhập khẩu, kiểm tra tại chỗ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

(1) Phương tiện vận chuyển và nơi bảo quản có đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh hay không;

(2) Số container, số niêm phong, nội dung ghi nhãn trên bao bì bên trong và bên ngoài, tình trạng thực tế của hàng hóa có phù hợp với thông tin khai báo và các chứng từ kèm theo hay không;

(3) Thực phẩm nguồn gốc động thực vật, bao bì và vật liệu lót chuồng có tồn tại các điều kiện trong quy định tại Điều 22 của "Quy định thi hành Luật Kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh" hay không;

(4) Bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm hay không, và có bị nhiễm bẩn, hư hỏng, ẩm ướt hoặc thấm thấu hay không;

(5) Nhãn, biểu tượng và hướng dẫn trên bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, quy phạm hành chính, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia và quy định của Tổng cục Hải quan hay không;

(6) Các đặc tính cảm quan của thực phẩm có đáp ứng các đặc tính nên có của thực phẩm hay không;

(7) Độ tươi của thực phẩm đông lạnh và làm lạnh, nhiệt độ lõi có đáp ứng yêu cầu không, có biến đổi bệnh lý không, nhiệt độ của môi trường làm lạnh và đông lạnh có đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn liên quan hay không, thiết bị và phương tiện kiểm soát nhiệt độ dây chuyền lạnh hoạt động bình thường hay không, ghi chép nhiệt độ có đáp ứng các yêu cầu hay không và có thể được thực hiện nếu cần Thử nghiệm nấu.

#### 23. *Quy định chi tiết về ghi nhãn, đóng gói thực phẩm (điều 30)*

Điều 30. Việc đóng gói, ghi nhãn và nhận dạng thực phẩm nhập khẩu phải tuân theo luật, quy định và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc; nếu theo quy định của pháp luật cần có hướng dẫn thì phải có hướng dẫn bằng tiếng Trung Quốc.

Đối với các sản phẩm thịt tươi sống và đông lạnh nhập khẩu, bao bì bên trong và bên ngoài phải có nhãn hiệu chắn chắn, rõ ràng, dễ đọc bằng tiếng Trung Quốc/ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc và nước xuất khẩu (khu vực), thể hiện rõ như sau: quốc gia (khu vực) xuất xứ, tên sản phẩm, số đăng ký của nhà sản xuất, số lô sản xuất; bao bì bên ngoài phải ghi thông số kỹ thuật, nơi sản xuất (cụ thể đến bang/tỉnh/ thành phố), nơi đến, ngày sản xuất, hạn sử dụng, nhiệt độ bảo quản, v.v..., bằng tiếng Trung Quốc, và điểm đến phải ghi rõ là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, cộng với Dấu kiểm dịch và kiểm dịch chính thức cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (Khu vực) xuất khẩu.

Đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu, bao bì bên trong và bên ngoài phải có nhãn hiệu chắn chắn, rõ ràng, dễ đọc bằng tiếng Trung Quốc/ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc và nước (khu vực) xuất khẩu, thể hiện rõ như sau: tên hàng hóa và tên khoa học, thông số kỹ thuật, ngày sản xuất, số lô, thời hạn sử dụng và điều kiện bảo quản, Phương thức sản xuất (Hải sản đánh bắt biển, đánh bắt nước ngọt, nuôi trồng), khu vực sản xuất (vùng biển đánh bắt hải sản, vùng/quốc gia đánh

bắt nước ngọt, sản phẩm nuôi trồng quốc gia/khu vực); tên, số đăng ký và địa chỉ (cụ thể cho tiểu bang/tỉnh/thành phố) của tất cả các doanh nghiệp sản xuất và chế biến có liên quan (bao gồm tàu đánh cá, tàu chế biến và tàu vận tải, kho lạnh độc lập) và điểm đến bắt buộc phải được ghi chú là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Nhãn của Trung Quốc đối với thực phẩm chức năng nhập khẩu và thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt phải được in trên bao bì tiêu thụ nhỏ nhất mà không được dán lên.

Trường hợp thực phẩm nhập khẩu có quy định ghi nhãn đặc biệt thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

### CHƯƠNG III. QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT



(Ảnh: nguồn internet)

#### 24. Thiết lập chế độ thu thập, tổng hợp và quản lý thông tin an toàn thực phẩm (bao gồm thông tin về các biện pháp kỹ thuật thương mại đối với thực phẩm ở nước ngoài)

Điều 57. Tổng cục Hải quan theo quy định tại Điều 100 Luật An toàn thực phẩm, thu thập, tổng hợp thông tin an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu và thiết lập chế độ quản lý thông tin an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu.

Hải quan các cấp có trách nhiệm thu thập, phân loại thông tin về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu trong phạm vi quản lý của mình theo chỉ định của cơ quan Hải quan cấp trên và thông báo cho chính quyền địa phương, các sở, ngành liên quan và các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật. Nếu thông tin liên quan đến các khu vực khác, phải đồng thời thông báo cho cơ quan Hải quan khu vực liên quan.

Thông tin về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu do cơ quan Hải quan thu thập, tổng hợp ngoài nội dung quy định tại Điều 100 Luật an toàn thực phẩm còn bao gồm cả thông tin về các biện pháp kỹ thuật thương mại đối với thực phẩm ở nước ngoài.

#### 25. Cảnh báo rủi ro (điều 59,61)

Điều 59. Trường hợp sự cố an toàn thực phẩm, dịch bệnh trong và ngoài nước có thể ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu hoặc trong thực phẩm xuất khẩu, nhập khẩu phát sinh vấn đề nghiêm trọng về an toàn thực phẩm thì Hải quan trực thuộc có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Hải quan kịp thời; Tổng cục Hải quan căn cứ vào tình hình thực hiện cảnh báo rủi ro, thông báo cảnh báo rủi ro trong hệ thống Hải quan, báo cáo các cơ quan giám sát, quản lý an toàn thực phẩm, quản lý y tế, quản lý nông nghiệp của Quốc vụ viện, và đưa ra các thông báo cảnh báo rủi ro cho người tiêu dùng khi cần thiết.

Khi ban hành thông báo cảnh báo rủi ro, Tổng cục Hải quan thực hiện các biện pháp kiểm soát đối với thực phẩm xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với yêu cầu của thông báo cảnh báo rủi ro quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 54 của Biện pháp này.

Điều 61. Trường hợp sự cố an toàn thực phẩm xảy ra ở nước ngoài có thể ảnh hưởng đến Trung Quốc hoặc nếu sau khi đánh giá phát hiện rủi ro không kiểm soát được, Tổng cục Hải quan có thể

thực hiện theo thông lệ quốc tế, trực tiếp đưa ra thông báo cảnh báo rủi ro trong hệ thống Hải quan hoặc đưa ra cảnh báo rủi ro thông báo cho người tiêu dùng và đồng thời áp dụng các biện pháp kiểm soát quy định tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của các Biện pháp này.

**26. Kiểm tra và xác minh nguồn gốc nguyên liệu trong chuỗi**

Điều 65. Hải quan sẽ tiến hành kiểm tra và xác minh các nhà sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu cũng như hồ sơ các trang trại trồng trọt và chăn nuôi nguyên liệu.

**27. Các trường hợp có ý kiến khiếu nại**

Điều 67 Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu có ý kiến khác đối với kết quả kiểm tra của cơ quan Hải quan thì có quyền yêu cầu kiểm tra lại theo quy định có liên quan về kiểm tra lại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, Hải quan sẽ không chấp nhận kiểm tra lại:

(1) Kết quả xét nghiệm cho thấy chỉ tiêu vi sinh vượt tiêu chuẩn;

(2) Các mẫu dự phòng vượt quá thời hạn sử dụng;

(3) Do các nguyên nhân khác dẫn đến mẫu dự phòng không đạt được mục đích kiểm tra lại.



(Ảnh: nguồn internet)

## CHƯƠNG IV. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

**28. Giám sát quản lý an toàn thực phẩm trong các trường hợp khác (điều 74-76)**

Điều 74. Việc giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu tại khu vực giám sát Hải quan đặc biệt, kho giám sát ngoại quan, thị trường bán buôn, thương mại tiểu ngạch biên giới và thương mại hộ cư dân biên giới được thực hiện theo quy định có liên quan của Tổng cục Hải quan.

Điều 75. Việc giám sát, quản lý an toàn đối với thực phẩm xuất nhập khẩu qua đường bưu điện, chuyển phát nhanh, thương mại điện tử bán lẻ xuyên biên giới và vận chuyển bởi hành khách nhập cảnh được thực hiện theo quy định có liên quan của Tổng cục Hải quan.

Điều 76. Thực phẩm phi mậu dịch như hàng mẫu, quà tặng, quà biếu, vật trưng bày, viện trợ, thực phẩm kinh doanh miễn thuế, thực phẩm cho các đại sứ quán và lãnh sự quán nước ngoài tại Trung Quốc và nhân viên của họ ra vào đất nước cho mục đích công và cá nhân, cho các đại sứ quán và cơ quan lãnh sự của Trung Quốc ở nước ngoài, thực phẩm sử dụng cho mục đích công và cá nhân cho nhân viên của các doanh nghiệp Trung Quốc

có trụ sở ở nước ngoài. Việc quản lý giám sát được thực hiện theo quy định có liên quan của Tổng cục Hải quan

Điều 77. Nhà sản xuất kinh doanh thực phẩm xuất, nhập khẩu được đề cập trong Biện pháp này bao gồm: doanh nghiệp sản xuất nước ngoài, thương nhân xuất khẩu hoặc đại lý ở nước ngoài xuất khẩu thực phẩm vào Trung Quốc, nhà nhập khẩu thực phẩm, doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu, nhà xuất khẩu và nhân viên có liên quan.

Các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu được đề cập trong Biện pháp này bao gồm các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và bảo quản ở nước ngoài xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc.

Các nhà xuất nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu được đề cập trong các Biện pháp này bao gồm các thương nhân xuất khẩu hoặc đại lý ở nước ngoài xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc và các nhà nhập khẩu thực phẩm.





# 关注食品安全 \* 关注生命健康 \*

感谢您的观看 THANK YOU

(Ảnh: nguồn internet)

## QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI SẢN XUẤT THỰC PHẨM NHẬP KHẨU VÀO CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

ThS. Vũ Thị Hải Yến  
Văn phòng SPS Việt Nam

### CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG



(Ảnh: nguồn internet)

Điều 1. Để tăng cường quản lý đăng ký các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu, phù hợp với Luật An toàn thực phẩm của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và các quy định thi hành, Luật Kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và các quy định thực hiện, và Luật Kiểm dịch động, thực vật xuất nhập khẩu và các quy định thực hiện, Quy

định đặc biệt và tăng cường trong quản lý giám sát an toàn thực phẩm cũng như sản phẩm khác của Quốc vụ viện, luật và quy định hành chính khác để xây dựng các quy định này.

Điều 2. Quy định này áp dụng đối với việc quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất, chế biến và bảo quản nước ngoài xuất khẩu thực phẩm vào Trung Quốc (sau đây gọi chung là doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu).

Doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại khoản trên không bao gồm doanh nghiệp sản xuất, chế biến, bảo quản phụ gia thực phẩm và các sản phẩm liên quan đến thực phẩm.

Điều 3. Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm quản lý thống nhất việc đăng ký đối với doanh nghiệp sản xuất nước ngoài nhập khẩu thực phẩm.

Điều 4. Doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu phải được đăng ký với Tổng cục Hải quan.

# 解读新版《进出口食品安全管理办法》



(Ảnh: nguồn internet)

Điều 5. Điều kiện đăng ký đối với doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu:

(1) Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của quốc gia (khu vực) đặt trụ sở đã được Tổng cục Hải quan đánh giá, xét duyệt tương đương;

(2) Được chấp thuận thành lập và chịu sự giám sát hiệu quả của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở;

(3) Thiết lập hệ thống bảo vệ và quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm hiệu quả, sản xuất và xuất khẩu hợp pháp tại quốc gia (khu vực) nơi đặt trụ sở và đảm bảo rằng thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc đáp ứng các luật và quy định liên quan và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc;

(4) Tuân thủ thỏa thuận do Tổng cục Hải quan và cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) đặt trụ sở về các yêu cầu liên quan trong kiểm tra và kiểm dịch.

Điều 6. Phương thức đăng ký doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu bao gồm đăng ký do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở giới thiệu và đơn đăng ký của doanh nghiệp.

Tổng cục Hải quan xác định phương thức đăng ký và hồ sơ đăng ký đối với doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu trên cơ sở phân tích nguồn nguyên liệu thực phẩm, công nghệ sản xuất, chế biến, dữ liệu lịch sử an toàn thực phẩm, nhóm người tiêu dùng, phương

thức sử dụng và các yếu tố khác kết hợp với thông lệ quốc tế.

Nếu phân tích rủi ro hoặc bằng chứng cho thấy rủi ro của một loại thực phẩm nào đó đã thay đổi, Tổng cục Hải quan có thể điều chỉnh phương thức và tài liệu đăng ký tương ứng với thực phẩm của doanh nghiệp sản xuất nước ngoài nhập khẩu thực phẩm.

Điều 7. Các loại thực phẩm sau đây do cơ quan có thẩm quyền của nước (khu vực) nơi đặt trụ sở của doanh nghiệp sản xuất nước ngoài đề nghị đăng ký với Tổng cục Hải quan: thịt và các sản phẩm từ thịt, vỏ ruột, sản phẩm thủy sản, sản phẩm từ sữa, yến sào và sản phẩm từ tổ yến, sản phẩm từ ong, trứng và các sản phẩm từ trứng, chất béo và dầu thực phẩm, mì nhồi, ngũ cốc ăn liền, sản phẩm bột ngũ cốc và mạch nha, rau tươi và khô và đậu khô, gia vị, các loại hạt và hạt giống, trái cây sấy khô, hạt cà phê và hạt ca cao chưa rang, thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt, thực phẩm chức năng.

Điều 8. Cơ quan có thẩm quyền của nước (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở có trách nhiệm xem xét, kiểm tra các doanh nghiệp được đề nghị đăng ký, sau khi xác nhận doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu đăng ký, đề nghị đăng ký cho Tổng cục Hải quan và nộp các tài liệu sau:

(1) Thư giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi đặt trụ sở;

(2) Danh sách công ty và đơn đăng ký công ty;



(Ảnh: nguồn internet)

(3) Văn kiện chứng minh tư cách doanh nghiệp, chẳng hạn như giấy phép kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở cấp;

(4) Công bố của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp có trụ sở giới thiệu đáp ứng các yêu cầu của quy định này;

(5) Báo cáo thẩm tra của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở về việc kiểm tra, xét duyệt đối với doanh nghiệp có liên quan.

Khi cần thiết, Tổng cục Hải quan có thể yêu cầu các tài liệu về hệ thống an toàn, vệ sinh và bảo vệ thực phẩm của công ty, chẳng hạn như sơ đồ mặt bằng của nhà máy, phân xưởng và kho lạnh của công ty, cũng như sơ đồ quy trình.v.v.

Điều 9. Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài không phải là sản xuất thực phẩm nêu tại Điều 7 Quy định này thì tự nộp hồ sơ đăng ký hoặc ủy thác đại lý thực hiện đăng ký với Tổng cục Hải quan và hồ sơ xin đăng ký bao gồm:

(1) Đơn đăng ký kinh doanh;

(2) Văn kiện chứng minh tư cách của doanh nghiệp, chẳng hạn như giấy phép kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở cấp;

(3) Bản cam kết tuyên bố của doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của quy định này.

Điều 10. Nội dung đơn đăng ký doanh nghiệp bao gồm thông tin như: tên doanh nghiệp, quốc gia (khu vực) nơi đặt trụ sở, địa chỉ nơi sản xuất,

người đại diện theo pháp luật, người liên hệ, thông tin liên hệ, số đăng ký được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) chấp thuận, loại thực phẩm được đăng ký, loại hình sản xuất, năng lực sản xuất, v.v...

Điều 11. Các tài liệu đăng ký sẽ được nộp bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh. Nếu quốc gia (khu vực) liên quan và Trung Quốc có thỏa thuận khác về phương thức đăng ký và tài liệu đăng ký, thì sẽ được thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên.

Điều 12. Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi đặt trụ sở hoặc doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu phải chịu trách nhiệm về tính xác thực, đầy đủ và hợp pháp của các tài liệu được nộp.

Điều 13. Tổng cục Hải quan trực tiếp hoặc ủy thác cho các cơ quan liên quan tổ chức đoàn đánh giá, tiến hành đánh giá, rà soát các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu đăng ký thông qua hình thức kiểm tra bằng văn bản, video, kiểm tra tại chỗ và các hình thức khác, hoặc kết hợp. Đoàn đánh giá bao gồm từ 2 người trở lên xem xét đánh giá.

Doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu và cơ quan có thẩm quyền của nước (khu vực) nơi doanh nghiệp đóng trụ sở có trách nhiệm phối hợp thực hiện công việc đánh giá, rà soát nêu trên.

Điều 14. Tổng cục Hải quan trên cơ sở tình trạng đánh giá, xét duyệt đăng ký, sẽ cấp số đăng ký tại Trung Quốc cho các doanh nghiệp nước





肉类图



乳制品



水产品



蜂产品



中药材



燕窝



肠衣图



植物源性食品

(Ảnh: nguồn internet)

ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu đáp ứng yêu cầu, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) hoặc doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu liên quan bằng văn bản; nếu Doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu sẽ không phê duyệt đăng ký và phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền của nước (khu vực) hoặc doanh nghiệp sản xuất nước ngoài nhập khẩu thực phẩm .

Điều 15. Khi doanh nghiệp đã đăng ký xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc, doanh nghiệp đó phải ghi trên bao bì bên trong và bên ngoài của thực phẩm bằng số đăng ký tại Trung Quốc hoặc số đăng ký được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở.

Điều 16. Thời hạn đăng ký đối với doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu là 5 năm.

Khi đăng ký doanh nghiệp sản xuất nước ngoài nhập khẩu thực phẩm , Tổng cục Hải quan phải xác định ngày bắt đầu và ngày kết thúc thời hạn hiệu lực của việc đăng ký.

Điều 17. Tổng cục Hải quan công bố thống nhất danh sách đăng ký các doanh nghiệp sản xuất nước ngoài nhập khẩu thực phẩm .



(Ảnh: nguồn internet)

## CHƯƠNG III. QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ

 **进口食品境外生产企业注册管理系统**  
China Imported Food Enterprise Registration

新建申请保存成功！

**您的注册申请号：** DK1800052

1.注册申请号为中国进口食品境外生产企业唯一识别代码，用于进口商填报“进口食品境外生产企业注册”和办理进口检验检疫；  
2.进口商在检验检疫申报时，如申报，需标注企业在国家（地区）主管机构位置。

**您的填写顺序号：** DK40910517

1.填写顺序号与注册申请号共同组成注册申请记录，在系统已填写完成，注册申请记录；  
2.填写顺序号与注册申请号、识别码，属政府企业跨境贸易（地区）主管机构记录。

添加企业资质

打印本页

(Ảnh: nguồn internet)

Điều 18. Tổng cục Hải quan trực tiếp hoặc ủy thác cho các cơ quan liên quan tổ chức đoàn đánh giá tiến hành kiểm tra lại việc doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu có tiếp tục đáp ứng yêu cầu đăng ký hay không. Đoàn đánh giá được tổ chức từ 02 người trở lên tiến hành nhận xét đánh giá.

Điều 19. Trong thời hạn hiệu lực của việc đăng ký, nếu thông tin đăng ký của doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu thay đổi thì nộp hồ sơ thay đổi đến Tổng cục Hải quan thông qua kênh đăng ký và nộp các tài liệu sau:

(1) Bảng đối chiếu thông tin thay đổi theo mục đăng ký;

(2) Các tài liệu chứng minh liên quan đến thông tin thay đổi.

Nếu Tổng cục Hải quan xét thấy sau khi thẩm định có thể thay đổi thì thực hiện thay đổi.

Nếu chuyển địa điểm sản xuất, thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi số đăng ký do quốc gia (khu vực) cấp, thì phải tiến hành đăng ký mới lại và số đã đăng ký tại Trung Quốc sẽ tự động hết hiệu lực.

Điều 20. Doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu có nhu cầu gia hạn đăng ký trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng trước khi hết thời hạn đăng ký thì nộp hồ sơ gia hạn đăng ký đến Tổng cục Hải quan thông qua kênh đăng ký.

Hồ sơ gia hạn đăng ký bao gồm:

(1) Đơn xin gia hạn đăng ký;

(2) Bản cam kết sẽ tiếp tục đáp ứng các yêu cầu đăng ký.

Tổng cục Hải quan sẽ gia hạn đăng ký đối với các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu đăng ký, và thời hạn hiệu lực của đăng ký sẽ được gia hạn thêm 5 năm.

Điều 21. Trường hợp doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu đã đăng ký thuộc một trong các trường hợp sau đây thì Tổng cục Hải quan hủy đăng ký, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nước (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở hoặc doanh nghiệp sản xuất nước ngoài nhập khẩu thực phẩm:

(1) Không thực hiện thủ tục gia hạn đăng ký theo yêu cầu;

(2) Cơ quan có thẩm quyền của nước (khu vực) nơi đặt trụ sở hoặc doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu tự nguyện xin hủy bỏ;

(3) Không còn đáp ứng các yêu cầu của Khoản (2) Điều 5 của các quy định này.

Điều 22. Cơ quan có thẩm quyền của nước (khu vực) nơi đặt trụ sở của doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu có trách nhiệm giám sát hiệu quả doanh nghiệp đã đăng ký, đôn đốc doanh nghiệp tiếp tục đáp ứng các





(Ảnh: nguồn internet)

yêu cầu đăng ký, nếu thấy không đáp ứng các yêu cầu đăng ký, thì ngay lập tức thực hiện các biện pháp kiểm soát và đình chỉ xuất khẩu thực phẩm có liên quan của doanh nghiệp sang Trung Quốc cho đến khi việc khắc phục đáp ứng các yêu cầu đăng ký.

Khi cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu nước ngoài phát hiện không đáp ứng yêu cầu đăng ký thì chủ động tạm dừng xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục điều chỉnh cho đến khi đáp ứng yêu cầu đăng ký.

Điều 23. Trường hợp Tổng cục Hải quan phát hiện cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu nước ngoài đã đăng ký không còn đáp ứng yêu cầu đăng ký, cơ quan sẽ ra lệnh khắc phục trong thời hạn quy định và đình chỉ nhập khẩu thực phẩm có liên quan của doanh nghiệp trong thời gian khắc phục.

Trường hợp doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền của nước (khu vực) đề nghị đăng ký bị đình chỉ nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền liên quan giám sát doanh nghiệp hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn quy định và báo cáo khắc phục bằng văn bản và bản cam kết tuân thủ các yêu cầu đăng ký với Tổng cục Hải quan.

Trường hợp doanh nghiệp tự đăng ký hoặc ủy quyền cho đại lý đăng ký bị tạm ngừng nhập khẩu thì phải hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn quy định và có văn bản báo cáo khắc phục và văn

bản xác nhận phù hợp với yêu cầu đăng ký gửi đến Tổng cục Hải quan.

Tổng cục Hải quan tiến hành xem xét tình hình sửa đổi của doanh nghiệp, nếu việc thẩm tra đạt yêu cầu thì phục hồi nhập khẩu thực phẩm liên quan của doanh nghiệp.

Điều 24. Trường hợp doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu đã đăng ký xảy ra một trong các trường hợp sau đây, Tổng cục Hải quan sẽ hủy đăng ký và thông báo:

(1) Do nguyên nhân của chính doanh nghiệp dẫn đến xảy ra sự cố lớn về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu;

(2) Phát hiện các vấn đề về an toàn thực phẩm được trong quá trình kiểm tra và kiểm dịch nhập cảnh đối với thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc với tình hình nghiêm trọng;

(3) Công tác quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm của doanh nghiệp có vấn đề lớn, thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc không đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm;

(4) Vẫn không đáp ứng các yêu cầu đăng ký sau khi tiến hành sửa đổi;

(5) Cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc che giấu thông tin liên quan;

(6) Từ chối phối hợp với Tổng cục Hải quan trong việc giám định lại và điều tra sự cố;

(7) Cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng, bán lại hoặc sử dụng gian lận số đăng ký.



### CHƯƠNG III. CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG



(Ảnh: nguồn internet)

Điều 25. Nếu tổ chức quốc tế hoặc cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) xuất khẩu thực phẩm vào Trung Quốc đưa ra thông báo về dịch bệnh, hoặc nếu thực phẩm liên quan được phát hiện có vấn đề nghiêm trọng như dịch bệnh hoặc sự cố sức khỏe cộng đồng trong quá trình kiểm tra và kiểm dịch nhập cảnh, Tổng cục Hải quan thông báo sẽ ngừng nhập khẩu thực phẩm từ quốc gia (khu vực) này, sẽ không tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có liên quan của quốc gia (khu vực) đó trong thời gian này.

Điều 26. Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) tại quy định này là cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm giám sát vệ sinh và an toàn

trong sản xuất thực phẩm tại quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu đặt trụ sở.

Điều 27. Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm giải thích các quy định này.

Điều 28. Các quy định có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Lệnh số 145 ngày 22/3/2012 của Tổng cục Giám sát chất lượng, Thanh tra và Kiểm dịch Quốc gia; và số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan về "Quy định về đăng ký và quản lý doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu" cùng lúc hết hiệu lực

**Toàn văn**



# DỰ THẢO QUY ĐỊNH VỀ SPS CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO - TRONG THÁNG 6/2021

## 1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

| STT | Mã WTO           | Quốc gia thông báo | Ngày thông báo | Tiêu đề                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | G/SPS/N/CAN/1394 | Canada             | 1/6/2021       | Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất làm săn chắc trong thực phẩm chưa chuẩn hóa, cho phép sử dụng kali nhôm sunfat trong sữa muối                                                                                                                                               |
| 2   | G/SPS/N/GBR/8    | Vương quốc Anh     | 2/6/2021       | Biện pháp dịch hại PH/026                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3   | G/SPS/N/USA/3250 | Hoa Kỳ             | 4/6/2021       | Thông báo về Quyết định bổ sung các phân loài thực vật để trồng trọt là dịch hại kiểm dịch hoặc vật chủ của dịch hại kiểm dịch vào danh sách thực vật để trồng trọt, việc nhập khẩu này là không cho phép trong khi chờ phân tích rủi ro dịch hại                                        |
| 4   | G/SPS/N/AUS/524  | Úc                 | 4/6/2021       | Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc - Niu-di-lân sửa đổi (ngày 1 tháng 6 năm 2021).                                                                                                                                                                           |
| 5   | G/SPS/N/EU/493   | Liên minh Châu Âu  | 7/6/2021       | Quyết định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/869 ngày 27 tháng 5 năm 2021 sửa đổi Quyết định thực hiện (EU) 2018/638 liên quan đến ngày hết hạn nhằm kéo dài các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong lãnh thổ Liên minh của sâu keo mùa thu <i>Spodoptera</i> dịch hại trái cây |
| 6   | G/SPS/N/EU/492   | Liên minh Châu Âu  | 7/6/2021       | Dự thảo Quy chế thực hiện của Ủy ban liên quan đến việc không gia hạn phê duyệt thuốc trừ sâu chứa hoạt chất phosmet                                                                                                                                                                     |
| 7   | G/SPS/N/USA/3253 | Hoa Kỳ             | 8/6/2021       | Thông báo về việc nộp đơn kiến nghị và yêu cầu góp ý về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật                                                                                                                                                                                                |
| 8   | G/SPS/N/USA/3252 | Hoa Kỳ             | 8/6/2021       | Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu <i>difenoconazole</i> . Quy tắc cuối cùng                                                                                                                                                                                                         |
| 9   | G/SPS/N/UGA/162  | Uganda             | 8/6/2021       | Đặc điểm kỹ thuật nước trái cây đóng hộp,                                                                                                                                                                                                                                                |

|    |                       |                |           |                                                                                                                                                            |
|----|-----------------------|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | G/SPS/N/UGA/161       | Uganda         | 8/6/2021  | Đặc điểm kỹ thuật rau quả đóng hộp                                                                                                                         |
| 11 | G/SPS/N/UGA/160       | Uganda         | 8/6/2021  | Đặc điểm kỹ thuật của nấm ăn được đã qua chế biến                                                                                                          |
| 12 | G/SPS/N/UGA/159       | Uganda         | 8/6/2021  | Đặc điểm kỹ thuật của các sản phẩm cà chua - Phần 4: Cô đặc cà chua (dạng sệt và nhuyễn) - Phiên bản thứ hai.                                              |
| 13 | G/SPS/N/THA/409       | Thái Lan       | 9/6/2021  | Sắc lệnh DLD tạm ngừng nhập khẩu lợn nội địa sống và lợn rừng và các bộ phận của chúng từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của bệnh dịch tả lợn Châu Phi.  |
| 14 | G/SPS/N/JPN/854       | Nhật Bản       | 9/6/2021  | Sửa đổi một phần các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (Thông báo công khai của Bộ Y tế và Phúc lợi số 370 năm 1959). |
| 15 | G/SPS/N/IDN/115/Add.2 | Indonesia      | 9/6/2021  | Quy định của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) số 13 năm 2020 về hương liệu phụ gia thực phẩm                                                   |
| 16 | G/SPS/N/IDN/111/Add.1 | Indonesia      | 9/6/2021  | Dự thảo về Tiêu chuẩn An toàn và Chất lượng của đồ uống có cồn                                                                                             |
| 17 | G/SPS/N/GBR/9         | Vương quốc Anh | 9/6/2021  | Tham vấn về phương pháp xác định tần suất kiểm tra nhập khẩu sức khỏe thực vật mục tiêu Rủi ro                                                             |
| 18 | G/SPS/N/CAN/1395      | Canada         | 9/6/2021  | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất đối với chất <i>picarbutrazox</i> (PMRL2021-16)                                                                      |
| 19 | G/SPS/N/TZA/139       | Tanzania       | 10/6/2021 | Quy định về đặc điểm kỹ thuật của Cocktail trái cây đóng hộp.                                                                                              |
| 20 | G/SPS/N/TZA/138       | Tanzania       | 10/6/2021 | Quy định về đặc điểm kỹ thuật của rau đóng hộp.                                                                                                            |
| 21 | G/SPS/N/TZA/137       | Tanzania       | 10/6/2021 | Quy định về đặc điểm kỹ thuật của nấm ăn được nuôi trồng đã qua chế biến.                                                                                  |
| 22 | G/SPS/N/TZA/136       | Tanzania       | 10/6/2021 | Quy định về đặc điểm kỹ thuật của các sản phẩm cà chua - Phần 4: cà chua cô đặc (dạng bột và xay nhuyễn)                                                   |



|    |                      |            |           |                                                                                                                                                                                                                    |
|----|----------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 23 | G/SPS/N/<br>BRA/1951 | Brazil     | 10/6/2021 | Sắc lệnh (Portaria) số 322 ngày 26 tháng 4 năm 2021. Công nhận khu vực tự do của bệnh Black Sigatoka - <i>Mycosphaerella fijiensis</i> (Morelet) Deighton tại các thành phố tự trị của Bang Minas Gerais - Brazil. |
| 24 | G/SPS/N/<br>KOR/722  | Hà Quốc    | 14/6/2021 | Dự thảo đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và Đặc điểm kỹ thuật cho thực phẩm chức năng"                                                                                                                                  |
| 25 | G/SPS/N/<br>KOR/721  | Hà Quốc    | 14/6/2021 | Dự thảo đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và Đặc điểm kỹ thuật cho thực phẩm chức năng"                                                                                                                                  |
| 26 | G/SPS/N/<br>THA/418  | Thái Lan   | 15/6/2021 | Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế công cộng (MOPH), số... B.E. .... (....) Được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 "Sản phẩm thực phẩm chứa chiết xuất <i>cannabidiol</i> "                                    |
| 27 | G/SPS/N/<br>KGZ/24   | Kyrgyz     | 15/6/2021 | Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo "Sửa đổi một số quyết định của Ủy ban Liên minh hải quan và Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu".                                                                                    |
| 28 | G/SPS/N/<br>KEN/148  | Kenya      | 15/6/2021 | Quy định về đặc điểm kỹ thuật của Các sản phẩm cà chua - Phần 4: Cà chua cô đặc (dạng bột và xay nhuyễn)                                                                                                           |
| 29 | G/SPS/N/<br>KEN/146  | Kenya      | 15/6/2021 | Quy định về đặc điểm kỹ thuật của cocktail trái cây đóng hộp.                                                                                                                                                      |
| 30 | G/SPS/N/<br>KEN/145  | Kenya      | 15/6/2021 | Quy định về đặc điểm kỹ thuật của rau đóng hộp.                                                                                                                                                                    |
| 31 | G/SPS/N/<br>KEN/144  | Kenya      | 15/6/2021 | Quy định về đặc điểm kỹ thuật của nấm ăn được nuôi trồng đã qua chế biến.                                                                                                                                          |
| 32 | G/SPS/N/<br>UKR/162  | Ukraina    | 16/6/2021 | Dự thảo Sắc lệnh của Bộ Kinh tế Ukraine "Phê duyệt thủ tục hình thành hồ sơ đăng ký về phụ gia thức ăn chăn nuôi".                                                                                                 |
| 33 | G/SPS/N/<br>KOR/723  | Hàn Quốc   | 16/6/2021 | Dự thảo sửa đổi một phần của Đạo luật về di chuyển xuyên biên giới, v.v. thuộc Đạo luật về các sinh vật biến đổi gen sống.                                                                                         |
| 34 | G/SPS/N/<br>CHN/1222 | Trung Quốc | 16/6/2021 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C đối với Peptide thực vật dùng cho chế biến thực phẩm                                                                                                               |
| 35 | G/SPS/N/<br>CHN/1221 | Trung Quốc | 16/6/2021 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C đối với kem, bơ và chất béo sữa khan.                                                                                                                              |

|    |                  |                   |           |                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|------------------|-------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 36 | G/SPS/N/CHN/1220 | Trung Quốc        | 16/6/2021 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C đối với chất thay thế chè.                                                                                                                                                                |
| 37 | G/SPS/N/CHN/1219 | Trung Quốc        | 16/6/2021 | Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của P.R.C đối với chè.                                                                                                                                                                              |
| 38 | G/SPS/N/CHN/1218 | Trung Quốc        | 16/6/2021 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C đối với phụ gia thực phẩm <i>Magnesium stearate</i> - Bản sửa đổi số 1.                                                                                                                   |
| 39 | G/SPS/N/RUS/227  | Liên bang Nga     | 17/6/2021 | Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo Quyết định "Sửa đổi một số quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan và Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu".                                                                                                |
| 40 | G/SPS/N/EU/496   | Liên minh Châu Âu | 17/6/2021 | Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2021/969 liên quan đến việc cho phép <i>L-threonine</i> được sản xuất bởi <i>Escherichia coli</i> CGMCC 13325 như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật                                 |
| 41 | G/SPS/N/EU/495   | Liên minh Châu Âu | 17/6/2021 | Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2021/968 liên quan đến việc gia hạn việc cấp phép kẽm chelate của chất tương tự hydroxy của methionine như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định (EU) số 335/2010    |
| 42 | G/SPS/N/EU/494   | Liên minh Châu Âu | 17/6/2021 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/967 liên quan đến việc gia hạn việc cấp phép mangan chelate của chất tương tự hydroxy của methionine như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định (EU) số 350/2010 |
| 43 | G/SPS/N/CAN/1396 | Canada            | 17/6/2021 | Quy định về thức ăn chăn nuôi, 2022.                                                                                                                                                                                                      |
| 44 | G/SPS/N/BRA/1954 | Brazil            | 17/6/2021 | Nghị quyết 498, ngày 26 tháng 5 năm 2021.                                                                                                                                                                                                 |
| 45 | G/SPS/N/FRA/17   | Pháp              | 21/6/2021 | Thực hiện định dạng mới với việc sử dụng giấy A4 thông thường để cấp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu.                                                                                                                   |
| 46 | G/SPS/N/THA/419  | Thái Lan          | 23/6/2021 | Dự thảo tiêu chuẩn nông nghiệp Thái Lan "Thực hành nông nghiệp tốt cho trang trại lợn".                                                                                                                                                   |
| 47 | G/SPS/N/NZL/650  | Niu Di-lân        | 23/6/2021 | Tiêu chuẩn sức khỏe thực vật nhập khẩu 155.02.06: Nhập khẩu vườn ươm .                                                                                                                                                                    |

|    |                        |          |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|------------------------|----------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 48 | G/SPS/N/TPKM/526/Add.4 | Đài Loan | 24/6/2021 | Kéo dài thời gian thực thi các thỏa thuận thay thế tạm thời đối với giấy chứng nhận gốc về kiểm dịch thực vật và thú y trong điều kiện xảy ra đại dịch COVID-19                                                                                                                                           |
| 49 | G/SPS/N/KOR/724        | Hàn Quốc | 24/6/2021 | Dự thảo sửa đổi "Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu".                                                                                                                                                                                                                             |
| 50 | G/SPS/N/TPKM/568       | Đài Loan | 25/6/2021 | Bản sửa đổi "Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thực vật hoặc sản phẩm thực vật".                                                                                                                                                                                                                   |
| 51 | G/SPS/N/CAN/1397       | Canada   | 25/6/2021 | Dự thảo mức dư lượng giới hạn tối đa: <i>Fluazaindolizine</i>                                                                                                                                                                                                                                             |
| 52 | G/SPS/N/BRA/1955       | Brazil   | 25/6/2021 | Pháp lệnh (Portaria) số 177 ngày 16 tháng 6 năm 2021, thiết lập các thủ tục và tiêu chí chứng nhận KDTV trong xuất khẩu và nhập khẩu thực vật, các bộ phận của thực vật, sản phẩm có nguồn gốc thực vật và các mặt hàng được quy định                                                                     |
| 53 | G/SPS/N/AUS/501/Add.2  | Úc       | 25/6/2021 | Mở rộng: những thay đổi tạm thời về yêu cầu về giấy chứng nhận nhập khẩu đối với một loạt hàng hóa có nguồn gốc thực vật, động vật, sinh học và động vật nhập khẩu                                                                                                                                        |
| 54 | G/SPS/N/COL/331        | Colombia | 29/6/2021 | Dự thảo nghị quyết "Các yêu cầu và thủ tục đăng ký nhà sản xuất, nhà sản xuất, nhà đóng gói, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu và/hoặc nhà phân phối thuốc bảo vệ thực vật hóa học sử dụng trong nông nghiệp, cũng như các yêu cầu đăng ký thuốc trừ sâu hóa học sử dụng trong nông nghiệp và các điều khoản " |
| 55 | G/SPS/N/COL/330        | Colombia | 29/6/2021 | Dự thảo nghị quyết "Thiết lập các yêu cầu về đăng ký và kiểm soát phân bón, chất điều hòa đất và các sản phẩm liên quan để sử dụng trong nông nghiệp và làm vườn"                                                                                                                                         |
| 56 | G/SPS/N/KOR/725        | Hàn Quốc | 30/6/2021 | Các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với bệnh đột tử ở cây sồi (SOD)                                                                                                                                                                                                                                      |



## 2. Danh sách quy định về SPS có hiệu lực

| STT | Mã WTO                 | Quốc gia thông báo | Ngày thông báo | Tiêu đề                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------------|--------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | G/SPS/N/NZL/643/Add.1  | Niu-di-lân         | 1/6/2021       | Quản lý rủi ro về an toàn sinh học đối với máy bay từ tất cả các quốc gia                                                                                                                       |
| 2   | G/SPS/N/AUS/455/Add.2  | Úc                 | 3/6/2021       | Thực hiện các điều kiện nhập khẩu sửa đổi đối với hạt giống cà chua để gieo trồng                                                                                                               |
| 3   | G/SPS/N/AUS/435/Add.7  | Úc                 | 7/6/2021       | Báo cáo cuối cùng cho phân tích rủi ro dịch hại đối với nhập khẩu hoa cắt và cành lá - Phần 2                                                                                                   |
| 4   | G/SPS/N/TPKM/461/Add.2 | Đài Loan           | 11/6/2021      | Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu tinh dịch lợn                                                                                                                                          |
| 5   | G/SPS/N/GBR/7/Add.1    | Vương quốc Anh     | 11/6/2021      | Sửa đổi Quy định về Điều kiện kiểm dịch thực vật 2021                                                                                                                                           |
| 6   | G/SPS/N/CAN/1378/Add.1 | Canada             | 11/6/2021      | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập đối với chất <i>spinosad</i>                                                                                                                            |
| 7   | G/SPS/N/CAN/1377/Add.1 | Canada             | 11/6/2021      | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập đối với chất <i>novaluron</i>                                                                                                                           |
| 8   | G/SPS/N/TPKM/558/Add.1 | Đài Loan           | 16/6/2021      | Quy định về các yêu cầu hạn chế sử dụng và ghi nhãn đối với chất 2'-fucosyllactose được tạo ra bởi chủng <i>Escherichia coli</i> đã biến đổi gen K-12 DH1 MDO MAP1001d làm thành phần thực phẩm |
| 9   | G/SPS/N/TPKM/544/Add.1 | Đài Loan           | 24/6/2021      | Các tiêu chuẩn về đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, áp dụng và giới hạn của phụ gia thực phẩm                                                                                                         |

|    |                                |          |           |                                                                                                                                                                          |
|----|--------------------------------|----------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | G/SPS/N/<br>TPKM/561/<br>Add.2 | Đài Loan | 25/6/2021 | Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu tinh dịch lợn                                                                                                                   |
| 11 | G/SPS/N/<br>CAN/1379/<br>Add.1 | Canada   | 25/6/2021 | Thiết lập mức giới hạn dư lượng tối đa: <i>Rimsulfuron</i>                                                                                                               |
| 12 | G/SPS/N/<br>AUS/509/<br>Add.1  | Úc       | 25/6/2021 | Văn bản thông báo về an toàn sinh học 2021-A02: Cập nhật lần cuối danh sách các loài có nguy cơ đối với cá biển không thuộc họ cá hồi để làm thức ăn cho người và cá mồi |
| 13 | G/SPS/N/<br>TPKM/563/<br>Add.1 | Đài Loan | 28/6/2021 | Tiêu chuẩn giới hạn dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm                                                                                                                 |
| 14 | G/SPS/N/<br>JPN/783/<br>Add.1  | Nhật Bản | 29/6/2021 | Sửa đổi thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm                                                                                                 |
| 15 | G/SPS/N/<br>THA/305/<br>Add.1  | Thái Lan | 29/6/2021 | Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) về "Quy trình sản xuất và thiết bị/dụng cụ để sản xuất và bảo quản thực phẩm"                                             |

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien> hoặc tham khảo trên: <https://docs.wto.org>



## **VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: [spsvietnam@mard.gov.vn](mailto:spsvietnam@mard.gov.vn)

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

